

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đẹp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Huy.

2. Ông Nguyễn Minh Chí.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng Dũng T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N bày:

Qua mai mối nên bà và ông Trần Hoàng Dũng T kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128/2015, quyền số 01/2015 vào ngày 15/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi, đến tháng 02 năm 2024 thì ông T đã bỏ nhà đi chung sống cùng người phụ nữ đó. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, giữa bà và ông T cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Hoàng Dũng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nội dung đơn khởi kiện của bà N, đã nhận được các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do bà N nộp, đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ của Tòa án nhưng ông T vắng mặt không nộp văn bản thể hiện ý kiến, không nộp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu ly hôn của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng Dũng T đang cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Hoàng Dũng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128/2015, quyển số 01/2015 vào ngày 15/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C nên xác định quan hệ giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà N thể hiện vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi, đến tháng 02 năm 2024 thì ông T đã bỏ nhà đi

chung sống cùng người phụ nữ đó. Ông bà cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua các lần triệu tập hòa giải đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt thể hiện ông T không có thiện chí hòa giải.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T không còn khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N và ông T ly hôn.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà N và ông T không có con chung nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng Dũng T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Trần Hoàng Dũng T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 0011181 ngày 07/3/2024 bà N đã nộp xong.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Đẹp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

